

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ TỔ CHỨC LỰC LƯỢNG NGOẠI GIAO VÀ Ý NGHĨA TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

ThS. HUỖNH TUẤN LINH (*)

Tóm tắt: Trong suốt chiều dài lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc Việt Nam, ngoại giao đã trở thành nhân tố vô cùng quan trọng, mặt trận có ý nghĩa chiến lược cùng với các mặt trận khác (quân sự, chính trị, kinh tế...) làm nên những thắng lợi vẻ vang của dân tộc và ghi những dấu ấn sâu đậm trong lòng nhân dân tiến bộ trên thế giới. Những chiến công của ngoại giao Việt Nam luôn gắn liền với tên tuổi Hồ Chí Minh - người sáng lập và chỉ đạo nền ngoại giao Việt Nam hiện đại. Trong hệ thống quan điểm về ngoại giao của Người, vấn đề sắp xếp và tổ chức lực lượng ngoại giao có vị trí cực kì quan trọng, góp phần làm xoay chuyển nhiều tình thế có lợi cho cách mạng Việt Nam và đưa nước ta đến những thắng lợi.

Từ khóa: ngoại giao; tư tưởng Hồ Chí Minh; Việt Nam

1 Ngoại giao là một mặt trận
Theo Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách đối ngoại là bộ phận hợp thành của chiến lược cách mạng, là một nhân tố quan trọng trong đường lối chính trị của cách mạng Việt Nam. Ngay khi xác định rõ đường lối cứu nước, Người đồng thời vạch ra đường lối quốc tế của cách mạng nước ta. Điều này

thể hiện rõ ở tác phẩm *Đường cách mệnh* (năm 1927), *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt* (năm 1930) của Đảng.

Sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, nhân dân ta chưa được hưởng thái bình thì đất nước lại lâm vào cảnh “ngàn cân treo sợi tóc”, tài chính kiệt quệ, nạn thù trong giặc ngoài phức tạp. Trong bối cảnh khó khăn đó, Hồ Chí Minh xác định hoạt động ngoại giao là vô cùng cần thiết, cấp bách, là chiến lược cách mạng. Trong những năm 1945-1946, dưới

(*) Đại học Công nghiệp thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh

sự chỉ đạo của Hồ Chí Minh, ngoại giao đã làm tròn vai trò tháo gỡ đất nước thoát khỏi vòng vây kim kẹp vô cùng nguy hiểm của thế “thù trong giặc ngoài”. Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, ngoại giao càng thể hiện vai trò hết sức quan trọng, là một mặt trận chiến lược góp phần vào thắng lợi vẻ vang của dân tộc Việt Nam.

Xác định ngoại giao là bộ phận hợp thành đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh cho rằng, với vai trò là một mặt trận, ngoại giao là vũ khí cách mạng tiến công. Quan điểm này thể hiện rõ qua ngoại giao quốc tế và trong những chỉ đạo về đường lối ngoại giao của Hồ Chí Minh. Khi lí giải về binh pháp Tôn Tử, Người khẳng định: “... dùng binh giỏi nhất là đánh bằng mưu. Thứ hai là đánh bằng ngoại giao. Thứ ba mới đánh bằng binh. Vậy thành mà đánh là kém nhất”⁽¹⁾. Khẳng định này càng có ý nghĩa trong tình hình tương quan lực lượng giữa ta và địch không có lợi cho ta. Theo Hồ Chí Minh, Việt Nam muốn đánh thắng đế quốc to, thì phải thông qua hoạt động ngoại giao, hoạt động vận động quốc tế để tập hợp lực lượng có lợi cho dân tộc.

Hồ Chí Minh đã sử dụng hiệu quả khả năng tiên công tích cực của ngoại giao, sử dụng nó như một binh chủng đặc biệt để kiềm chế kẻ thù. Ngoài ra, Người cũng dùng nó như phương tiện để gợi mở xu hướng giải quyết xung đột thông qua thương lượng hòa bình, buộc quân địch từng bước “xuống thang” và đi vào khả năng có lợi cho ta.

Thực tế quá trình đấu tranh của dân tộc đã chứng minh, ngoại giao trở thành vũ khí chiến lược tiến công trực diện kẻ thù, là một trong những phương tiện hữu hiệu tạo nên sức mạnh cho cách mạng, tạo tiền đề vật chất lẫn tinh thần để xoay chuyển tình thế theo chiều hướng có lợi cho ta và bất lợi cho địch. Đặc biệt, ngoại giao Việt Nam hiện đại dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định vai trò là một bộ phận hữu cơ, góp phần hình thành đường lối ngoại giao chiến lược của cách mạng Việt Nam.

2. Phối hợp chặt chẽ ngoại giao với chính trị, quân sự và các lĩnh vực khác của đời sống xã hội

Chiến tranh là một biến cố khắc nghiệt, là thử thách toàn diện đối với sức mạnh vật chất và tinh thần của một quốc gia - dân tộc. Vì vậy, để kết thúc chiến tranh, không thể chỉ sử dụng duy nhất mặt trận hay binh chủng nhất định nào, mà đòi hỏi phải có sự kết hợp toàn diện các mặt, phải kháng chiến toàn diện, phát huy toàn lực.

Ở Việt Nam, lịch sử oanh liệt chống ngoại xâm của dân tộc đã chứng minh sự đúng đắn của việc kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh quân sự, chính trị và ngoại giao với các lĩnh vực khác của đời sống xã hội. Đặc biệt, vừa đánh vừa đàm để kết thúc chiến tranh đã trở thành nghệ thuật đánh giặc của dân tộc. Chủ tịch Hồ Chí Minh là người vận dụng nghệ thuật này hết sức khéo léo và hiệu quả. Người cho rằng, nếu không dùng toàn lực của nhân dân về mọi mặt để ứng phó thì không thể giành được thắng lợi, chỉ có kháng chiến toàn diện mới phát huy cao nhất sức mạnh tổng hợp trên tất cả các mặt quân sự, chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hóa, tư tưởng, đặc biệt là sự kết hợp giữa ba mặt trận xung yếu: quân sự, chính trị, ngoại giao.

Đấu tranh quân sự là hình thức chủ yếu nhất của chiến tranh. Bởi vì, kẻ thù tiến hành xâm lược chủ yếu bằng lực lượng quân đội nhà nghề, chuyên nghiệp với vũ khí tối tân, bom đạn hiện đại. Do vậy, để ứng phó và có thể đánh bại chúng, nhất thiết phải dùng những phương tiện tương tự, dù có thể là thô sơ, không hiện đại nhưng không thể không sử dụng. Xét cho cùng, biện pháp cuối cùng để thắng địch bao giờ cũng phải là đấu tranh quân sự, phải đập tan và tiêu diệt ý chí xâm lược của chúng.

Đấu tranh chính trị là hình thức đấu tranh cơ bản của chiến tranh nhân dân. Tập hợp, mở rộng và củng cố các tổ chức quần chúng, xây dựng và phát triển các lực lượng chính trị, tổ chức và lãnh đạo nhân dân đấu tranh với các hình thức và quy mô phù hợp, để phối hợp với đấu tranh quân sự, đánh địch ở khắp nơi, làm cho địch phải phân tán lực lượng để đối phó.

Đấu tranh ngoại giao là mặt trận có ý nghĩa chiến lược, phối hợp với mặt trận quân sự và chính trị. Mục đích của ngoại giao, của công tác tuyên truyền đối ngoại là: vạch rõ tính chất phi nghĩa và phản động, vạch rõ những tội ác mà kẻ thù đã gây ra, khẳng định tính chính nghĩa về cuộc kháng chiến của nhân dân ta và khẳng định ý chí quyết tâm giành, giữ độc lập, tự do của dân tộc. Từ đó, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của chính phủ và nhân dân các nước tiên bộ, của lực lượng yêu chuộng hòa bình trên thế giới.

Trong mỗi quan hệ chặt chẽ giữa chính trị, quân sự, ngoại giao, Hồ Chí Minh chỉ rõ, chính trị quyết định quân sự, quân sự phục tùng chính trị, cả chính trị và quân sự đều là cơ sở quyết định thắng lợi trên mặt trận ngoại giao. Vì vậy, phải xây dựng quân đội mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, trong đó, lấy xây dựng về chính trị làm trung tâm. Ngược lại, thắng lợi trên mặt trận ngoại giao sẽ tạo tiền đề, điều kiện để tăng cường lực cho cách mạng, tạo thế cho đất nước trong quan hệ chính trị, quân sự và kinh tế quốc tế.

Trong sự kết hợp chặt chẽ giữa quân sự và ngoại giao, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: quân sự là tiền đề, cơ sở vật chất vững chắc cho ngoại giao. Thắng lợi về quân sự trên chiến trường có ý nghĩa quyết định đối với thắng lợi trên bàn đàm phán. Ta chỉ có thể giành thắng lợi trên bàn đàm phán khi ta giành thế chủ động trên chiến trường. Người luôn chỉ rõ, kinh nghiệm từ những cuộc kháng chiến cho thấy đế quốc Mỹ chỉ chịu ngồi vào bàn đàm phán khi biết không thể đánh được nữa. Do đó, Hồ Chí Minh luôn căn dặn: “Bây giờ nội trong nước ta cứ đánh cho thắng, thì ngoại giao dễ làm ăn. Ngoại giao của ta là cốt tranh thủ nhiều người ủng hộ cuộc đấu tranh chống Mỹ, cứu nước của ta”⁽²⁾. Trong buổi nói chuyện tại Hội nghị cán bộ ngoại giao lần thứ năm, Người chỉ rõ: “Ngoại giao ở Hội nghị Giơ-ne-vơ thắng lợi là vì Điện Biên Phủ đánh thắng lớn. Bây giờ cũng thế, đánh thắng lợi thì ngoại giao thắng nhiều. Không cứ gì ở ta mà ở nước nào cũng vậy. Cổ nhiên ngoại giao

là rất quan trọng, nhưng cái vốn chính là mình phải đánh thắng và mình phải có sức mạnh thì ngoại giao sẽ thắng”⁽³⁾.

Rõ ràng, nếu không có sức mạnh quân sự thì những thắng lợi trên bàn đàm phán sẽ rất mong manh. Đánh giặc trong thời kì mới không thể chỉ sử dụng ba tác lược hay những thủ thuật ngoại giao. Không thể dùng vũ khí phi vật chất để đối đầu với vũ khí vật chất, không thể không dùng bạo lực cách mạng để chống lại bạo lực phản cách mạng. Do vậy, Hồ Chí Minh rất quan tâm tới việc xây dựng thực lực quân sự vững chắc cho ngoại giao. Theo Người, phải có đấu tranh quân sự, phải biểu dương thực lực cách mạng trên chiến trường thì ngoại giao mới phát huy được vai trò tích cực, chủ động của mình.

Ngược lại, thắng lợi trên bàn đàm phán phản ánh tương quan lực lượng giữa ta và địch trên chiến trường, là cơ sở để đi tới chấm dứt hoàn toàn hoạt động quân sự của địch. Sự thắng lợi của ngoại giao trên bàn đàm phán cũng góp phần trong việc phát huy thế thắng và khích lệ tinh thần chiến đấu của quân dân ta. Tháng 5/1969, Hồ Chí Minh nêu ra nhiệm vụ cho đoàn đàm phán Việt Nam tại Hội nghị Paris: “Tiến công ngoại giao là một tiến công quan trọng có ý nghĩa chiến lược lúc này. Nó có nhiệm vụ phát huy thế thắng và thế chủ động của ta, tiến công một kẻ địch đang thất bại, đang bị động về mọi mặt và phải xuống thang; phát huy thắng lợi quân sự và chính trị trên chiến trường quốc tế; tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ lớn nhất của nhân dân tiên bộ trên thế giới, kể cả nhân dân Mỹ; nắm vững thời cơ, phối hợp với tiến công quân sự và tiến công chính trị, tiến công liên tục và sắc bén, kiên trì nguyên tắc, khéo vận dụng sách lược, vừa kiên quyết, vừa linh hoạt, buộc Mỹ phải rút quân và nhận một giải pháp chính trị đáp ứng yêu cầu cơ bản của ta”⁽⁴⁾.

Bên cạnh việc kết hợp quân sự với ngoại giao, Hồ Chí Minh cũng rất coi trọng mối quan hệ giữa chính trị và ngoại giao. Trong mối quan hệ biện chứng này, Hồ Chí Minh chỉ rõ đường lối chính trị, mục tiêu chính trị quyết định và định hướng cho đường lối ngoại giao và hoạt

động ngoại giao. Chính trị vững vàng sẽ là bàn đạp và là động lực cho ngoại giao có tiếng nói mạnh hơn, có hiệu quả hơn trong quan hệ quốc tế. Ngoại giao phải phục vụ chính trị và phụ thuộc vào mục tiêu chính trị. Thế thắng của ngoại giao ảnh hưởng lớn đến việc kiên định và bảo đảm cho mục tiêu chính trị được thực hiện.

Mục tiêu chính trị mà Hồ Chí Minh và Đảng xác định đó là: độc lập dân tộc, hòa bình và tiến bộ xã hội. Mục tiêu này phản ánh khát vọng không chỉ của dân tộc Việt Nam, mà còn là khát vọng của toàn thể nhân loại tiến bộ. Từ sau Cách mạng Tháng Mười Nga (năm 1917), mục tiêu này càng thôi thúc các dân tộc bị áp bức, lệ thuộc vùng lên đấu tranh đòi chủ quyền quốc gia, đòi tự do, hòa bình và bình đẳng. Chính vì vậy, trong suốt cuộc kháng chiến của nhân dân ta ở thế kỉ XX, Đảng và Hồ Chí Minh luôn nêu cao ngọn cờ độc lập dân tộc, hòa bình và tiến bộ xã hội, xem đây là tiêu chí chung hoạch định đường lối, chính sách, làm mục tiêu, nhiệm vụ cho những cuộc vận động quốc tế và đấu tranh ngoại giao.

Sự kết hợp giữa chính trị và ngoại giao còn thể hiện ở nhiều sự kiện chính trị, như đấu tranh đòi hiệp thương hòa bình thống nhất Tổ quốc sau Hiệp định Giơnevơ, thành lập Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (năm 1960), sự ra đời của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam (năm 1969). Tất cả những sự kiện đó đã tạo nên “thế chính trị” thuận lợi cho hoạt động ngoại giao. Nhờ đó, ngoại giao Việt Nam đã vượt qua được những khó khăn, chằng chéo về lợi ích vô cùng phức tạp trong quan hệ quốc tế. Việc Mỹ và các nước khác công nhận, tôn trọng chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được ghi nhận trong Hiệp định Paris là minh chứng cho sự kết hợp vô cùng hiệu quả của ngoại giao và chính trị dưới sự chỉ đạo của Hồ Chí Minh.

Kết hợp ngoại giao với quân sự, chính trị, Hồ Chí Minh cũng quan tâm tới việc xây dựng thực lực kinh tế đủ mạnh để làm cơ sở vật chất vững chắc cho ngoại giao. Người nhấn mạnh:

“phải trông ở thực lực. Thực lực mạnh, ngoại giao sẽ thắng, thực lực là cái chiêng mà ngoại giao là cái tiếng. Chiêng có to tiếng mới lớn”⁽⁵⁾, và luôn kêu gọi cả nước phải “tăng gia sản xuất, tăng gia sản xuất ngay, tăng gia sản xuất nữa! Đó là khẩu hiệu của ta ngày nay. Đó là cách thiết thực của chúng ta để giữ vững quyền tự do, độc lập”⁽⁶⁾.

Xác định ngoại giao và kinh tế có ảnh hưởng lẫn nhau nên dù tình hình cách mạng còn khó khăn nhưng Người đã dự liệu tới việc tranh thủ hợp tác kinh tế, thu hút đầu tư nước ngoài, kể cả của Pháp để xây dựng đất nước, từ đó tranh thủ sự ủng hộ của các lực lượng bên ngoài. Đầu tháng 12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư cho những người đứng đầu các nước Anh, Trung Quốc, Mỹ, Liên Xô và Liên hợp quốc nêu rõ chính sách mở cửa và hợp tác của Việt Nam, mục đích muốn mở rộng quan hệ, mời các nhà đầu tư và công nghệ nước ngoài vào hoạt động kinh doanh ở Việt Nam. Người viết: “chúng ta sẽ mời những nhà chuyên môn Pháp, cũng như Mỹ, Nga hay Tàu đến đây giúp việc cho chúng ta trong cuộc kiến thiết quốc gia”⁽⁷⁾.

Đối với Hồ Chí Minh, kinh tế, chính trị, quân sự, ngoại giao có mối quan hệ mật thiết với nhau. Thực lực kinh tế mạnh sẽ góp phần quan trọng cho những thắng lợi trên mặt trận đối ngoại, giữ vững đường lối chính trị. Thắng lợi trên mặt trận đối ngoại sẽ tạo điều kiện, tăng cường thực lực cách mạng, tạo thế cho đất nước trong quan hệ chính trị và kinh tế quốc tế. Vì vậy, suốt thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, Hồ Chí Minh luôn kêu gọi nhân dân ta kháng chiến - kiến quốc, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, tạo tiềm lực kinh tế, là hậu phương vững chắc cho miền Nam tiến tới giành thắng lợi cuối cùng, thống nhất Tổ quốc.

Lãnh đạo và trực tiếp tham gia các hoạt động ngoại giao, Hồ Chí Minh luôn xứng đáng với tầm vóc của một nhà ngoại giao vĩ đại. Tư tưởng ngoại giao là một mặt trận, ngoại giao phải kết hợp chặt chẽ với các lĩnh vực khác như quân sự, chính trị, kinh tế... là bộ phận hợp

thành chiến lược cách mạng Việt Nam. Đây là đóng góp to lớn của Hồ Chí Minh trong việc xác định và tập hợp lực lượng ngoại giao. Nó có vai trò định hướng cho công tác đối ngoại và các hoạt động ngoại giao của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta trong kháng chiến chống ngoại xâm cũng như trong quá trình bảo vệ và xây dựng đất nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

3. Vai trò của cán bộ ngoại giao và ngoại giao nhân dân

Vấn đề quan trọng, quyết định sự thành bại của mặt trận ngoại giao, theo Hồ Chí Minh chính là yếu tố con người, trước hết là vai trò của cán bộ làm công tác ngoại giao. Hồ Chí Minh xem đây là lực lượng nòng cốt có vai trò to lớn đối với sự thành bại của hoạt động ngoại giao. Do đó, cán bộ ngoại giao phải có đầy đủ những phẩm chất của người cán bộ nói chung, có đức, có tài, biết chăm lo cho quyền lợi của đất nước và nhân dân. Người căn dặn cán bộ ngoại giao phải có phẩm chất chính trị cao, ngoài tinh thần yêu nước, trung thành với Tổ quốc thì phải có lập trường vững vàng, phải tận tâm, tận lực phục vụ nhân dân, phục vụ cách mạng. Bởi vì, cán bộ ngoại giao là người đại diện cho dân tộc mình trên thế giới, thay mặt dân tộc trong quan hệ với các nước khác nên phải biết giữ gìn danh dự, thể diện quốc gia, dân tộc, phải thận trọng, cảnh giác và giữ bí mật nhà nước. Người căn dặn: “Các đại sứ đại diện thay mặt cho dân, cho chính phủ, nên mỗi lời nói, mỗi cử chỉ phải cẩn thận, nghĩ rồi hãy nói, phải xem nói có lợi gì, có hại gì, chớ bộp chộp, gặp đâu nói đấy, gặp ai nói đấy thì không tốt”⁽⁸⁾.

Để làm tròn trọng trách của mình, cán bộ ngoại giao phải có kiến thức sâu rộng, phải hiểu rõ tình hình, chính sách về kinh tế, chính trị, văn hóa của nước ta, đồng thời phải hiểu tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa của nước mình đến, phải “học văn hóa, phải học dần dần, không có cách nào khác”⁽⁹⁾. Theo Hồ Chí Minh, kiến thức quan trọng mà người làm công tác ngoại giao phải luôn chú ý là ngoại ngữ, “công tác ở nước nào thì phải học tiếng nước ấy”⁽¹⁰⁾ để gây được tình cảm và ấn tượng tốt với họ. Điều này không chỉ có ý nghĩa đối với cán bộ ngoại giao, mà còn có ý nghĩa thực tiễn với tất

cả các ban, ngành trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa hiện nay.

Bên cạnh việc quan tâm bồi dưỡng, đào tạo và đề cao vai trò của cán bộ ngoại giao, Hồ Chí Minh cũng chú ý đến vai trò của nhân dân, đến việc tập hợp lực lượng quần chúng nhân dân trong đấu tranh ngoại giao. Đối với Người, nhân dân là lực lượng vô cùng to lớn và mạnh mẽ mà ngoại giao cần phải phát huy và sử dụng hiệu quả. Hồ Chí Minh xác định, ngoại giao nhân dân chính là một bình chũng trong mặt trận ngoại giao nói chung. Bởi vì, hoạt động ngoại giao không chỉ được tiến hành trên cơ sở những hoạt động ngoại giao cá nhân, tổ chức riêng lẻ, như đại sứ quán, tổng lãnh sự quán hay hoạt động ngoại giao của Đảng, Nhà nước, mà là công việc của nhiều ngành, nhiều cấp, nhiều tầng lớp... và của toàn thể nhân dân. Ngoại giao không chỉ đơn thuần là công việc riêng của các nhà ngoại giao chuyên nghiệp, bởi nó không chỉ là những cuộc thương lượng trên bàn đàm phán, những người dân bình thường cũng có thể tham gia vào những hoạt động mang tính chất ngoại giao ở bất cứ nơi nào, thời điểm nào. Hồ Chí Minh khẳng định: “Ta có hai mặt công tác quan trọng là nội chính và ngoại giao. Đây không chỉ là các đại sứ quán, tổng lãnh sự quán là những cơ quan chuyên môn phụ trách, mà còn các tổ chức khác như ngoại thương, văn hóa, thanh niên, phụ nữ, công đoàn cũng đều làm ngoại giao cả”⁽¹¹⁾.

Vai trò quan trọng của nhân dân trong ngoại giao được thể hiện sinh động ngay từ năm 1945, quần chúng nhân dân đã diễu hành biểu dương thực lực, ủng hộ chính quyền cách mạng. Từng đoàn đại biểu, cán bộ, đoàn thể, tổ chức của nhân dân đi tham dự hội nghị quốc tế, thăm các nước, tuyên truyền, giải thích làm cho dư luận thế giới hiểu và ủng hộ cuộc đấu tranh vì chính nghĩa của dân tộc ta. Đó không phải là ngoại giao thông thường, mà là những cuộc tiếp xúc, đối thoại giữa nhân dân với nhân dân. Những cuộc đối thoại đó đã làm cho nhân dân thế giới, đặc biệt là nhân dân Pháp, Mỹ hiểu rõ hơn về cuộc kháng chiến ở Việt Nam và đứng về phía nhân dân Việt Nam chống lại bọn cầm quyền hiếu chiến. Đó là hiệu quả rõ nét của mặt trận ngoại giao nhân dân.

4. Ý nghĩa của tư tưởng Hồ Chí Minh về tổ chức lực lượng ngoại giao trong giai đoạn hiện nay

Hiện nay, Đảng xác định, chỉ có hội nhập kinh tế quốc tế một cách chủ động mới thu hút được nguồn vốn, tri thức khoa học và công nghệ hiện đại, tận dụng những mặt tích cực của toàn cầu hóa để đưa Việt Nam phát triển nhanh và bền vững theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Trọng tâm của ngoại giao trong việc phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế là phải tạo được môi trường quốc tế thông thoáng để thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài.

Thực tiễn đời sống chính trị quốc tế cho thấy, yếu tố chính trị và kinh tế đối ngoại tác động mật thiết với nhau. Công tác chính trị đối ngoại hiệu quả sẽ tạo môi trường chính trị thuận lợi cho việc mở rộng kinh tế đối ngoại. Đồng thời, kinh tế đối ngoại phát triển mạnh sẽ tác động trở lại, tạo thế và lực mới cho đất nước. Kết hợp chặt chẽ giữa hoạt động đối ngoại với việc tăng cường mở rộng hợp tác, phát triển kinh tế đối ngoại giữa nước ta với tất cả các nước là việc hết sức cần thiết. Sự kết hợp này sẽ làm cho hoạt động đối ngoại của Việt Nam thực sự trở thành mặt trận rộng lớn của đông đảo các cấp, các ngành, các lĩnh vực tạo ra sức mạnh tổng hợp để đưa sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến thắng lợi. Đại hội lần thứ XII của Đảng khẳng định: “Bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, sự quản lý tập trung của Nhà nước đối với hoạt động đối ngoại. Phối hợp chặt chẽ hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân; giữa ngoại giao chính trị với ngoại giao kinh tế và ngoại giao văn hóa, giữa đối ngoại với quốc phòng, an ninh”⁽¹²⁾.

Bên cạnh việc phối hợp chặt chẽ giữa ngoại giao, kinh tế, chính trị, Đảng cũng chủ trương thực hiện đường lối đối ngoại đa dạng hóa, đa phương hóa, mở rộng và phối hợp nhiều hình thức, chủ thể ngoại giao từ ngoại giao Đảng, Nhà nước, Quốc hội đến ngoại giao nhân dân. Đảng xác định, đẩy mạnh hơn nữa ngoại giao nhân dân ở các ngành, các cấp, Trung ương và

địa phương dưới các hình thức và nội dung mới. Phát triển mạnh mẽ hình thức đối ngoại nhân dân để tập trung sức mạnh của đông đảo mọi lực lượng trong nước, đồng thời mở rộng hợp tác đối với các tầng lớp nhân dân các nước trên thế giới.

Hoạt động đối ngoại của các lực lượng vũ trang nhân dân có vai trò quan trọng trong thời kỳ đổi mới, góp phần thiết thực vào xây dựng lòng tin, củng cố hòa bình, và tăng cường hợp tác vì an ninh và phát triển của các nước trong khu vực. Dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh, cùng với sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, mặt trận ngoại giao ngày càng khẳng định vị trí trong việc tuyên truyền, quảng bá hình ảnh đất nước, tranh thủ dư luận quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Ngoại giao trở thành phương tiện hữu hiệu để tranh thủ được sự đồng tình ủng hộ, giúp đỡ của các lực lượng tiến bộ trên thế giới, góp phần to lớn vào việc khẳng định vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. Điều này chứng minh rằng, Đảng Cộng sản Việt Nam đã kế thừa và vận dụng thành công tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh trong thời kỳ hội nhập. □

(1) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 3, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 562

(2) Hồ Chí Minh, *Sđđ*, tập 15, tr. 61

(3) Hồ Chí Minh, *Sđđ*, t.15, tr. 60 - 61

(4) Hồng Hà (1999), *Bác Hồ trong trái tim các nhà ngoại giao*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 36 - 37

(5), (6) và (7) Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, t.4, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.147, 135 và 86

(8) (9) (10) Mai Văn Bộ (2015), *Chúng tôi học làm ngoại giao với Bác Hồ*, Nhà xuất bản Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, tr. 13 - 14, 16 và 17

(11) Nguyễn Dy Niên (2008), *Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 168

(12) Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.156.